

Số/No.: 2609287/KQ
Trang/ Page: 1/3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Code : 2608396/KG
Mã số mẫu/ : 26081089
Sample Code

Kết quả này thay thế kết quả số 2609260/KQ ngày 19/09/2026

Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN HQGANO VẠN HỮ**

Địa chỉ/ Address : A.01.04 Tòa nhà D-Aqua, 301 Đường Bình Đông, Phường Phú Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 28/08/2026 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 22/09/2026

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 28/08/2026 – 18/09/2026

Tên mẫu/ Name of sample : **HỒ LÔ TRÀ SÂM ĐÔNG TRÙNG HQGANO**

Tình trạng mẫu/ State of sample :
- Mẫu do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu thực phẩm đựng trong chai thủy tinh kín.

PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG
Quality Manager



Nguyễn Thị Thanh Hằng

TỔNG GIÁM ĐỐC
General Director



ThS. Hồ Phùng Tâm

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THẾ KỶ MỚI (NEWCENLAB)

NHẬN MẪU & PTN: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ THẾ KỶ MỚI (NEWCENLAB)

Địa chỉ: Số 04 Đường số 5, Phường Bình Hưng Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh

Hotline: 0769 898 139 – 0908 867 287

Email: info@newcenlab.com

Web: newcenlab.com

Số tài liệu: TKM-TT-7.8/BM02 Lần ban hành: 07 Ngày hiệu lực: 01/01/2026



Số/No.: 2609287/KQ
Trang/ Page: 2/3

Mã số/ Code : 2608396/KG
Mã số mẫu/ : 26081089
Sample Code

Kết quả này thay thế kết quả số 2609260/KQ ngày 19/09/2026

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT
1	Năng lượng	Kcal/100g	TCVN 7088:2015	4
2	Carbohydrate	g/100g	TKM-TN-351 (Ref. AOAC 986.25)	0,99
3	Protein (N×6,25)	g/100g	TKM-TN-204:2022 (*) (Ref. Fao Food 14/7, page 221-223)	<0,3 ⁽ⁱ⁾
4	Béo tổng	g/100g	TKM-TN-205:2022 (*) (Ref. Fao Food 14/7, page 214)	KPH (LOD = 0,1)
5	Xơ tổng số	g/100g	AOAC 991.43	KPH (LOD = 0,1)
6	Natri (Na)	mg/100g	AOAC 969.23	6,2
7	Chì (Pb)	mg/kg	AOAC 999.11 (*)	KPH (LOD = 0,02)
8	<i>Escherichia coli</i> dương tính β -glucuronidase	CFU/g	TCVN 7924-2:2008 (*)	<10
9	<i>Coliforms</i>	CFU/g	TCVN 6848:2007 (*)	<10
10	<i>Staphylococcus aureus</i>	CFU/g	AOAC 975.55	<10
11	<i>Clostridium perfringens</i>	CFU/g	TCVN 4991:2005 (*)	<10
12	<i>Streptococci faecal</i>	CFU/g	TKM-TN-240:2023 (*) Ref. TCVN 6189-2:2009 (ISO 7899-2:2000)	<10
13	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	CFU/g	TKM-TN-239:2023 (*) Ref. TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2010)	<10
14	Tổng số vi sinh hiếu khí	CFU/g	TCVN 4884-1:2015	<10
15	Nấm men và nấm mốc	CFU/g	TCVN 8275-2:2010 (*)	<10

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Chỉ tiêu thử nghiệm số 5, 10 thực hiện bởi thầu phụ/ Items No.5, 10 are tested by subcontractor.
- Carbohydrate thể hiện trên kết quả là carbohydrate không bao gồm xơ/ Carbohydrates shown on the results are carbohydrates excluding fiber.
- Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g hoặc nhỏ hơn 1 CFU/mL tương ứng "không phát hiện" khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/ According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g or 1 CFU/mL corresponding "Not detected" when the dishes examined contain no colonies.
- Newcenlab không chịu trách nhiệm với thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp/ Newcenlab is not responsible for sample information provided by customers.
- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

Thay đổi thông tin theo yêu cầu của khách hàng qua công văn số: 01-26 – V/v: Đổi thông tin tên mẫu trên kết quả thử nghiệm ngày 22/09/2026. Thông tin tên mẫu ban đầu HỒ LÔ TRÀ SÂM ĐÔNG TRÙNG HQ thay đổi thành HỒ LÔ TRÀ SÂM ĐÔNG TRÙNG HQGANO.



Kết quả này thay thế kết quả số 2609260/KQ ngày 19/09/2026

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NUTRITION FACTS)			
Thành phần dinh dưỡng	Trên 100g		% Giá trị dinh dưỡng tham chiếu (NRV)
Năng lượng (Energy)	4	kcal	0%
Chất đạm (Protein)	0	g	0%
Carbohydrate	0.99	g	0%
Béo tổng (Total fat)	0	g	0%
Natri (Sodium)	6.2	mg	0%
% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (Nutrient Reference Values - NRV) là tỷ lệ đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày (với khẩu phần 2000 Kcal).			

